

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 19-01-2022

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung  
sau ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Ông Nguyễn Lê Huy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:***  
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Vũ L, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ L1, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Trần Vũ L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo án sơ thẩm;***

*\* Nguyên đơn anh Trần Vũ L trình bày:*

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, về phần tài sản chung anh và chị L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nhưng nay anh và chị L1

không thỏa thuận được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung như sau:

Yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà cấp 4, xây tường, nền lót gạch bông; xung quanh nhà có hàng rào kiên cố nằm trên thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021. Nguồn gốc phần đất này là của bà nội anh tặng cho anh bằng hình thức lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không có trả tiền. Nay anh chia ½ giá trị căn nhà cho chị L1 là 200.000.000 đồng, anh nhận nhà. Riêng phần đất trên anh sẽ để lại 01 phần đất trồng bên hông nhà diện tích 213,4m<sup>2</sup> cho con trai anh là Trần Hoàng Q, sinh ngày 09/06/2011, trong thời gian cháu Q chưa đủ 18 tuổi thì chị L1 sẽ đại diện cháu Q đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi cháu Q đủ 18 tuổi thì sang tên lại cho cháu.

*\* Bị đơn chị Phạm Thị Mỹ L1 trình bày:*

Chị thống nhất với anh L về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà nội anh L tặng cho vợ chồng bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản này có trong thời kỳ hôn nhân. Đối với yêu cầu của anh L chị không đồng ý, chị yêu cầu nhận phần đất diện tích 300,5m<sup>2</sup> và căn nhà tọa lạc trên đất. Giao lại phần đất trồng kế bên nhà diện tích 213,4m<sup>2</sup> cho anh L và chị trả lại ½ giá trị căn nhà cho anh L là 200.000.000 đồng. Lý do chị yêu cầu nhận nhà là để mẹ con chị có căn nhà sinh sống vì hai con còn nhỏ cần chỗ ở ổn định để ăn học.

\* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vũ L.

Anh Trần Vũ L được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 213,4m<sup>2</sup> (loại đất trồng cây hàng năm khác). Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 3047 của ông Trần Văn P có số đo 4,24m.
- Hướng Tây giáp đường bê tông có số đo 04m.
- Hướng Nam giáp rạch B có số đo các đoạn 19,43m + 17,94m + 8,20m.
- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại giao cho chị L1 có số đo 35,89m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Chị Phạm Thị Mỹ L1 được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 300,5m<sup>2</sup> (loại đất trồng cây hàng năm khác) và quyền sở hữu căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cột thép, nền gạch men, trần tấm thạch cao) tọa lạc trên đất. Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 3047 của ông Trần Văn P có số đo 8,26m.
- Hướng Tây giáp đường bê tông có số đo các đoạn 08m + 2,8m.
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại giao cho anh L có số đo 35,89m.
- Hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo các đoạn 17,3m + 6,73m + 8,20m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Chị Phạm Thị Mỹ L1 có nghĩa vụ giao lại cho anh L  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà là 188.186.800 đồng (một trăm tám mươi tám triệu một trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm đồng) và giá trị chênh lệch của 94,94m<sup>2</sup> đất là 142.410.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng). Tổng cộng 330.596.800 đồng (ba trăm ba mươi triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L1 về việc cho anh L lưu trú tại căn nhà thêm 01 tháng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

\* Ngày 02/11/2021, nguyên đơn anh Trần Vũ L có đơn kháng cáo với nội dung: Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hai hướng:

- Một là, giao toàn bộ nhà đất cho anh quản lý, sử dụng; anh sẽ hoàn lại giá trị tài sản chung được chia cho chị L1 là 500.000.000 đồng;
- Hai là, giao toàn bộ nhà đất cho chị L1 quản lý, sử dụng; chị L1 có nghĩa vụ hoàn lại phần giá trị tài sản chung được chia cho anh L là 649.000.000 đồng.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm;***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận trên là tự nguyện không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Trần Vũ L khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn với chị Phạm Thị Mỹ L1, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh L với bị đơn chị L1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đơn kháng cáo anh Trần Vũ L đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Anh L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hai hướng:

- Một là, giao toàn bộ nhà đất cho anh quản lý, sử dụng; anh sẽ hoàn lại giá trị tài sản chung được chia cho chị L1 là 500.000.000 đồng;
- Hai là, giao toàn bộ nhà đất cho chị L1 quản lý, sử dụng; chị L1 có nghĩa vụ hoàn lại phần giá trị tài sản chung được chia cho anh L là 649.000.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh L và bị đơn chị L1 đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án cụ thể:

Thông nhất tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021; căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cốt thép, nền gạch bông, trần tấm thạch cao) và một số công trình phụ trên thửa đất 4638.

Anh Trần Vũ L nhận bằng hiện vật toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021; căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cốt thép, nền gạch bông, trần tấm thạch cao) và một số công trình phụ trên thửa đất 4638 tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trần Vũ L hoàn lại giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị Phạm Thị Mỹ L1 số tiền 500.000.000 đồng.

Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm, hạn cuối là ngày 04/02/2022, anh L phải giao đủ cho chị L1 số tiền 500.000.000 đồng.

Chị L1 được quyền lưu cư đến khi nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng, chị L1 di dời những vật dụng cá nhân giao trả cho anh L toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021; căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cốt thép, nền gạch bông, trần tấm thạch cao) và một số công trình phụ trên thửa đất 4638 tọa lạc tại Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Anh L được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Anh L và chị L1 thỏa thuận thực hiện theo án phí đã tuyên tại bản án sơ thẩm.

Việc thỏa thuận của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội.

Hội đồng xét xử sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ đúng quy định tại Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Anh L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 105/2021/HNGĐ-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1/ Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn anh Trần Vũ L với bị đơn chị Phạm Thị Mỹ L1 tại phiên tòa phúc thẩm cụ thể:

- Thống nhất tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021; căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cốt thép, nền gạch bông, trần tấm thạch cao) và một số công trình phụ trên thửa đất 4638.

- Anh Trần Vũ L nhận bằng hiện vật toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021; căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cốt thép, nền gạch bông, trần tấm thạch cao) và một số công trình phụ trên thửa đất 4638 tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Trần Vũ L hoàn lại giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị Phạm Thị Mỹ L1 số tiền 500.000.000 đồng.

Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử phúc thẩm, hạn cuối là ngày 04/02/2022, anh L phải giao đủ cho chị L1 số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ khi chị L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Chị L1 được quyền lưu cư đến khi nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng, chị L1 di dời những vật dụng cá nhân giao trả cho anh L toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 4638, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 513,9m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07268 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/3/2021; căn nhà loại KC-C1 (mái tôn, vách tường, cột bê tông, cốt thép, nền gạch bông, trần tấm thạch cao) và một số công trình phụ trên thửa đất 4638 tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Anh L được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

## 2/ Về án phí:

Anh Trần Vũ L phải nộp 30.027.900 đồng (ba mươi triệu không trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0018263 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh L còn phải nộp 20.027.900 đồng (hai mươi triệu không trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm đồng).

Anh Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 theo biên lai thu số 0007325 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chị Phạm Thị Mỹ L1 phải nộp 23.861.100 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi một ngàn chín trăm đồng) án phí.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Ngọc Tuyền**